

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 149/2020/HS-ST
Ngày: 11/11/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhơn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Đình Hoàng và bà Doãn Thị Lệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 163/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2020, đối với bị cáo:

Đỗ T; sinh năm 1992 tại Gia Lai, nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Tổ 14, phường Y1, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; cha: Ông Đỗ Văn M (đã chết), mẹ là bà Nguyễn Thị Xuân H, cư trú cùng địa chỉ với bị cáo; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 07/6/2016 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 tại bản án số 81/2016/HSST ngày 07/6/2016, chưa được xóa án tích do chưa thi hành xong phần dân sự.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 02/8/2020 đến ngày 08/8/2020 bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bị hại:

- Anh Nguyễn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Đường Nguyễn N, tổ 6, phường Y2, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đỗ H, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 14, phường Y1, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn B, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 6, phường Y2, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 02/8/2020, khi điều khiển xe mô tô biển số 81H3-0309 đi trên đường Phan T, tổ 6 phường Y2, TP.P, T phát hiện trên vỉa hè trước số nhà 46A đường Phan T có để 01 máy trộn bê-tông gắn mô-tơ điện, nhưng không có người trông coi của ông Nguyễn T (sinh năm 1982, trú Tổ 6, phường Y2, TP.P). T nảy sinh ý định trộm cắp nên dừng xe, mở cốp lấy ra 01 mô-lêchroi đi đến mở các bu-lông cố định mô-tơ. Khi T vừa mở được 01 bu-lông thì bị ông Nguyễn B (sinh năm 1980, trú Tổ 6 phường Y2, TP.P) phát hiện, bắt giữ và báo cáo Công an phường Y2, TP.P đến làm việc, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ của T 01 mô-lêch bằng kim loại dài 15cm, 01 bu-lông hình lục giác, 01 ốc vặn hình lục giác và xe mô tô biển số 81H3-0309; ông Tiến giao nộp cho Cơ quan Công an 01 mô-tơ điện nhãn hiệu ELECTRIC TOAN PHAT, kích thước (35x26x18)cm, là chiếc mô-tơ mà T đang trộm cắp thì bị phát hiện

Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự TP.P kết luận: Mô-tơ điện nhãn hiệu ELECTRIC TOAN PHAT, kích thước (35x26x18)cm, của ông Nguyễn T, bị Đỗ T chiếm đoạt vào ngày 02/8/2020, trị giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã xử lý trả lại mô-tơ, 01 bu-lông và 01 ốc vít cho ông Tiến.

Ngày 02/8/2020, T tự ý lấy xe mô tô nhãn hiệu LISOHAKA biển số 81H3-0909 và mô-lêch dài 15 cm của anh Đỗ H (Sinh năm 1990, trú Tổ 14, phường Y1, TP.P), anh ruột của T để thực hiện hành vi chiếm đoạt mô-tơ điện của ông Nguyễn T, nhưng anh Hiếu không biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã xử lý trả lại cho anh Hiếu.

Về dân sự: Sau khi được nhận lại tài sản, ông Nguyễn T không yêu cầu bồi thường, đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đỗ T thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt, có tình tiết tăng nặng là “*Tái phạm*” nhưng ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố đã thành khẩn khai báo.

Tại Bản cáo trạng số: 164/CT-VKS ngày 13/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Đỗ T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày diễn biến vụ án đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố cũng như các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đỗ T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm: s khoản 1 Điều 51, **điểm h khoản 1, Điều 52**; Điều 38, Điều 50, Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Tuyên bố bị cáo Đỗ T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo Đỗ T mức án từ 01 năm đến 03 tháng tù, tính từ ngày bị tạm giữ 02/8/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận mức hình phạt mà Kiểm sát viên công bố và những nội dung khác mà Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp nên không có ý kiến tranh luận gì.

Nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi thực hiện tội phạm bị cáo:

Ngày 02/8/2010 Đỗ T tự ý lấy xe mô tô biển kiểm soát số 81H3-0909 của anh Đỗ T đi đến nhà người thân chơi. Trên đường đi, khoảng 10 giờ 30 phút, T phát hiện phía trước nhà số 46a đường Phan T, thành phố P, Gia Lai có một máy trộn Bê tông gắn mô tơ điện, hiệu ELECTRIC MO TOR TOÀN PHÁT, T dùng dụng cụ có sẵn trong xe đến tháo gỡ Mo tor để chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài, nhưng vừa tháo được một ốc vít định vị thì bị người dân phát hiện báo cơ quan chức năng bắt giữ.

Tại bản Kết luận số 67/KL-HĐĐGTS ngày 07/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P, kết luận giá trị tài sản mà Bị cáo Đỗ T chiếm đoạt là 2.000.000đ.

Hành vi lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác trong quản lý của chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản người khác của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây tâm lý bất an trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng cố tình thực hiện, nên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo đã có một tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích vì chưa thi hành phạt dân sự, nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 để cân nhắc khi quyết định hình phạt.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khai nhận hành vi phạm tội của mình, giúp cho cơ quan Điều tra nhanh chóng kết thúc vụ án; tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại, người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt, nên sẽ áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm: s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị

cáo bằng $\frac{3}{4}$ mức án tù theo quy định và giảm nhẹ hình phạt và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và để răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về vật chứng vụ án: Vật chứng trong vụ án là tài sản hợp pháp của các chủ sở hữu, họ không có lỗi trong việc để bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, cơ quan chức năng có thẩm quyền đã lại cho chủ sở hữu là đúng quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đồng thời các chủ sở hữu không có ý kiến yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ý kiến, đề nghị của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa về mức án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, việc xử lý vật chứng là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên, về mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã thật sự ăn năn hối cải sâu sắc, thành khẩn khai báo để nhanh chóng kết thúc vụ án đưa ra xét xử.

[5] Về án phí: Bị cáo Đỗ T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Tuyên bố bị cáo Đỗ T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Đỗ T 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 02/8/2020.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Đỗ T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia lai;
- VKS TP P;
- Công an Tp. P;
- THADS Tp.P;
- Bị cáo;
- Lưu hs.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Nhơn

